

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

**SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số đến:
Ngày đến:
Lưu hồ sơ:

Nơi ban hành:
Số và ký hiệu văn bản:
Ngày ban hành: Thời hạn xử lý:
Đơn vị chủ trì: Đơn vị phối hợp:

*Ý kiến của lãnh đạo cơ quan:
Chuyên VPS

*Ý kiến của Trưởng/Phó đơn vị:
.....
.....
.....
*Ý kiến đề xuất của người giải quyết:
.....
.....
.....

Ngày 9 tháng 11 năm 2016

XLS

*Tiền đề giải quyết:

Ngày chuyển VB: Ngày trình VB trả lời:
Ngày ban hành VB trả lời: Số, ký hiệu VB trả lời:

Đánh giá thời gian hoàn thành: Trước hạn Đúng hạn Trễ hạn

Số: 8902/KH-UBND

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 11 năm 2016

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2017**

SỐ YẾU TẾ TÍNH TOÁN	NI HÒA
SỐ 12.317	
ĐẾN	10.11.16
Chuyên	

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin số 86/2015/QH13 ngày 11/9/2015;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;
- Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 và xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN năm 2017;
- Kế hoạch số 3710/KH-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân

tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng môi trường pháp lý

Trong năm 2016, tỉnh Khánh Hòa đã xây dựng và ban hành các văn bản liên quan đến việc thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT), cụ thể:

a) Các văn bản đã ban hành và áp dụng:

- Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc tăng cường sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định về tạo lập và cập nhật văn bản, tài liệu, hồ sơ điện tử trong các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống kiểm soát công tác chỉ đạo và điều hành;

- Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

b) Các văn bản dự kiến ban hành đến hết năm 2016:

- Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung;

- Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Cổng thông tin quản lý nguồn nhân lực tỉnh;

- Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trực tuyến qua mạng Internet ở mức độ 3, 4.

2. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

Trong năm 2016, hạ tầng kỹ thuật CNTT tiếp tục được nâng cấp, đầu tư mở rộng, hỗ trợ đặc lực cho việc triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, cụ thể:

a) Hệ thống mạng diện rộng, Trung tâm dữ liệu của tỉnh được đầu tư nâng cấp, bổ sung phục vụ vận hành ổn định các hệ thống thông tin dùng chung, đảm bảo việc khai thác sử dụng có hiệu quả các ứng dụng đang triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã và một số ứng dụng quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

b) 100% cơ quan, địa phương được đầu tư trang thiết bị CNTT, lắp đặt hệ thống mạng nội bộ; thực hiện đầu tư bổ sung hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai,

sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước.

c) 100% các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực được nâng cấp mở rộng hoặc phát triển mới nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trong các cơ quan quản lý chuyên môn.

d) Có 28/28 cơ quan kết nối mạng diện rộng của tỉnh; 146/214 điểm kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên toàn tỉnh từ cấp tỉnh đến cấp xã (đạt 70%).

đ) Việc tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật CNTT được thực hiện tương đối tốt, khai thác sử dụng có hiệu quả và cơ bản đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, cơ sở dữ liệu đã có.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Hệ thống thư điện tử công vụ hoạt động ổn định, 5.800 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp sử dụng; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử là 80% (đạt 89% so với chỉ tiêu).

b) Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp sử dụng 640 chứng thư số chuyên dùng (334 chứng thư số cơ quan và 306 chứng thư số cá nhân); 90% cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện đã được cấp chứng thư số; tỷ lệ sử dụng chứng thư số cơ quan là 53% và tỷ lệ sử dụng chứng thư số lãnh đạo là 37,9%.

c) 40 cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện và 137 UBND cấp xã được triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; đến nay 100% văn bản hành chính trong danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định được trao đổi, lưu trữ, xử lý dưới dạng văn bản điện tử (đạt 100% so với chỉ tiêu); tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ các cơ quan nhà nước đạt khoảng 80%; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước đạt khoảng 62% (bao gồm cả trường hợp gửi/nhận văn bản điện tử và văn bản giấy).

d) 100% cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh đã được cấp tài khoản khai thác và sử dụng Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; hiện có 933 cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật thông tin hồ sơ của hơn 20.400 CBCCVV vào phần mềm này (đạt 70% so với kế hoạch).

đ) 100% cơ quan hành chính cấp tỉnh và huyện được triển khai áp dụng Hệ thống kiểm soát công tác chỉ đạo và điều hành (tên gọi khác là phần mềm nhắc việc), nhằm phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, địa phương thực hiện, dần khắc phục tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc.

e) Đang triển khai xây dựng Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa trên nền tảng công nghệ GIS nhằm hỗ trợ công tác quản lý hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

g) Tiếp tục duy trì, nâng cấp và phát triển mới các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực từng bước tăng cường hiệu quả công tác quản lý chuyên môn; tiếp nhận và triển khai có hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, lĩnh vực do các cơ quan Trung ương chuyển giao.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) 35 cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện và 137 UBND cấp xã được triển khai phần mềm Một cửa điện tử, Trang thông tin điện tử nhằm phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiện tại trên 95% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp chính quyền đã được cập nhật, giải quyết trên phần mềm Một cửa điện tử; đến nay đã cung cấp 473 thủ tục trực tuyến ở mức độ 3, 01 thủ tục trực tuyến mức độ 4 và số lượng hồ sơ trực tuyến đã tiếp nhận, giải quyết thành công tại tỉnh là 4.034 hồ sơ (không tính lĩnh vực thuế và hải quan).

b) Thí điểm triển khai dịch vụ tin nhắn tự động (SMS) thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại 13 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Mở rộng triển khai phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính.

c) Phần mềm Kiểm soát thủ tục hành chính tiếp tục được nâng cấp, mở rộng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan, địa phương.

d) Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Thông tin cải cách hành chính của tỉnh được nâng cấp, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

đ) Ngành Thuế hỗ trợ người nộp thuế qua các ứng dụng: Phần mềm kê khai thuế, in hồ sơ thuế bằng công nghệ mã vạch hai chiều, kê khai thuế trực tuyến trên website. Đến nay, 100% doanh nghiệp khai thuế qua mạng đã đăng ký nộp thuế điện tử (với cơ quan Thuế và Ngân hàng); 93% doanh nghiệp nộp thuế điện tử trong đó trên 98% chứng từ nộp thuế qua đường điện tử.

e) Triển khai phương án sử dụng “biểu mẫu điện tử”, “hồ sơ điện tử” và “giải quyết thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan” trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

5. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Hiện tại, 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã có cán bộ chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng dụng CNTT và kỹ năng ứng dụng CNTT cho CBCCVV được quan tâm tổ chức thực hiện. Kết quả cụ thể như sau:

a) Tổ chức tuyển sinh và khai giảng 01 khóa đào tạo thạc sĩ CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức 05 lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT ở trình độ A cho hơn 139 lượt cán bộ, công chức xã trên địa bàn tỉnh (thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án: “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”) và 12 lớp tập huấn chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung cho hơn 600 lượt cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức tuyển chọn cán bộ, công chức CNTT không qua thi tuyển đối với những người có bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ loại Khá, Đại học loại giỏi vào công

tác tại các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh (theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh), kết quả 01 cán bộ được tuyển chọn.

6. Kinh phí thực hiện

Trong năm 2016, kinh phí đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT tại địa phương là 19.456,656 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 0 đồng;
- Vốn sự nghiệp: 19.456,656 triệu đồng (bao gồm các hoạt động ứng dụng CNTT có sử dụng kinh phí cải cách hành chính, kinh phí phát triển nguồn nhân lực);
- Vốn khác: 0 đồng.

(Danh mục các dự án/nhiệm vụ ứng dụng CNTT triển khai trong năm 2016 được thể hiện tại Phụ lục I đính kèm).

7. Đánh giá kết quả thực hiện

a) Đánh giá chung

Trong năm 2016, việc triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tiếp tục đạt được những kết quả nhất định. Hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh từng bước đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện; công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính; các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội từng bước được tin học hóa, đem lại hiệu quả.

Thông qua việc triển khai các dự án/nhiệm vụ về CNTT, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, xây dựng nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, tài chính, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, đặc biệt là ở cấp cơ sở phát triển phù hợp với định hướng xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, cải tiến môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng hiện đại. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được cải thiện, mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao, Chính quyền điện tử từng bước được hình thành.

Kết thúc triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2016, đạt 70% các mục tiêu đề ra, trong đó việc triển khai các ứng dụng cơ bản trong các cơ quan nhà nước như: Cổng/Trang thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến, Quản lý văn bản và điều hành, Một cửa điện tử, phần mềm quản lý chuyên ngành, lĩnh vực... là các sản phẩm CNTT mang lại hiệu quả sử dụng cao.

b) Thuận lợi

- Trong năm 2016, việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với lĩnh vực CNTT cơ bản là đầy đủ và đáp ứng được yêu cầu áp dụng thực tiễn, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động phát triển ứng dụng CNTT tại địa phương.

- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo trong việc tổ chức, triển khai các dự án/nhiệm vụ ứng dụng CNTT. Sự phối hợp, hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình triển khai, tiếp nhận và khai thác sử dụng các sản phẩm ứng dụng CNTT.

- Việc tiếp cận, áp dụng kịp thời các giải pháp công nghệ mới kết hợp thực thi các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định chuyên ngành và xây dựng môi trường pháp lý phù hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan, địa phương.

c) Hạn chế

- Nhận thức của một bộ phận chính quyền, cơ quan, đơn vị về vị trí, vai trò của ứng dụng và phát triển CNTT chưa thực sự đầy đủ. Một số cơ quan chưa quan tâm, chưa quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế, hướng dẫn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, dẫn đến các ứng dụng chưa được áp dụng một cách đồng bộ, thống nhất. Một số lãnh đạo chưa sử dụng các phần mềm để thao tác, xử lý và điều hành công việc, chưa sử dụng chữ ký số (đã được cấp) trong văn bản điện tử,... dẫn đến trường hợp một công việc vừa xử lý trên giấy, vừa xử lý trên phần mềm, tạo áp lực cho nhân viên cấp dưới, phát sinh thêm chi phí in ấn, giấy tờ.

- Tiến độ nâng cấp, bổ sung hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh còn chậm so với kế hoạch.

- Tổ chức họp trực tuyến giữa các cơ quan cấp tỉnh và huyện không đạt chỉ tiêu kế hoạch do thiết bị CNTT bị hư hỏng đột xuất, công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị mất nhiều thời gian.

- Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng theo quy định của Luật Đấu thầu và Thông tư số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/09/2015 còn mới đối với phần lớn các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh, nên trong năm 2016 chưa có gói thầu được thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện theo đúng quy trình xử lý trong phần mềm Một cửa điện tử, dẫn đến việc giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính chưa thực hiện được, việc kết xuất số liệu báo cáo thống kê chưa sát với thực tế,...

- Nguồn nhân lực đảm nhận việc phối hợp triển khai và tổ chức quản lý vận hành các hệ thống thông tin còn thiếu, đặc biệt là ở cấp huyện, cấp xã.

- Nguồn vốn đầu tư ứng dụng CNTT chủ yếu là ngân sách địa phương, chưa tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn khác; hình thức đầu tư ứng dụng CNTT còn hạn chế.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2017

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; tiếp tục tăng số lượng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin sẵn có, kết hợp đầu tư phát triển: hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nhân lực,... tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ hoạt động ổn định các hệ thống thông tin dùng chung, các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

b) Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung.

c) 100% các cơ quan, địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã thực hiện kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

d) Trên 60% các cuộc họp giữa các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện được thực hiện qua hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh.

đ) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ đạt trên 85%.

e) Trên 70% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dạng văn bản điện tử.

g) 50% dịch vụ công được cung cấp ở mức độ 3, 10% dịch vụ công mức độ 4; ít nhất 52% doanh nghiệp có giao dịch hành chính với cơ quan nhà nước tham gia sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến.

h) 100% các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực được nâng cấp mở rộng hoặc phát triển mới nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trong các cơ quan quản lý chuyên môn.

i) 20% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đầu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn tỉnh thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

l) Phát triển nguồn nhân lực CNTT đảm bảo công tác quản lý, vận hành và khai thác sử dụng có hiệu quả các sản phẩm ứng dụng CNTT đã được đầu tư.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

a) Duy trì tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, hệ thống mạng diện rộng của tỉnh và kết hợp thực thi các chính sách quản lý, vận hành liên quan đảm bảo việc triển khai tập trung các hệ thống thông tin dùng chung sử dụng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, như: hệ thống thư điện tử công vụ; quản lý cán bộ, công chức, viên chức; các cổng/trang thông tin điện tử tỉnh; Một cửa điện tử; quản lý văn bản và điều hành; kiểm soát TTHC,... sử dụng tại các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

b) Tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tại các cơ quan, địa phương, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã để phục vụ triển khai, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung.

c) Phối hợp, triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng đến tất cả các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã.

d) Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật trong các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, lĩnh vực theo hướng kế thừa và sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật sẵn có.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Tiếp tục tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung tại các cơ quan, địa phương.

b) Nâng cấp Bộ phần mềm một cửa điện tử theo hướng liên thông nhiều cấp, kết nối liên thông và chia sẻ cơ sở dữ liệu với các hệ thống thông tin chuyên ngành.

c) Tiếp tục rà soát, đánh giá và bổ sung hoàn thiện chức năng các phần mềm trong các hệ thống thông tin dùng chung trên cơ sở ý kiến phản ánh từ kết quả sử dụng thực tế tại các cơ quan, địa phương; kết hợp nghiên cứu, triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cấp các phần mềm ngày càng hoàn thiện, tạo sự thuận lợi trong thao tác, xử lý.

d) Tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp sử dụng chứng thư số chuyên dùng theo lộ trình để đảm bảo việc trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.

đ) Tiếp nhận và tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016 – 2020 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

e) Duy trì, nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực để bảo đảm công tác quản lý của cơ quan chuyên môn. Tổ chức triển khai kế hoạch trang bị phần mềm nghiệp vụ phục vụ quản lý, xử lý công việc chuyên môn trên tất cả các lĩnh vực, nhằm triển khai thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, đáp ứng lộ trình xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

g) Tiếp tục duy trì và khuyến khích mở rộng việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong các cơ quan nhà nước.

h) Tổ chức triển khai thực hiện tốt các dự án/nhiệm vụ chuyển tiếp, các dự án/nhiệm vụ mới, kịp thời phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước; quản lý ngành, lĩnh vực; thúc đẩy cải cách hành chính,...

3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Tổ chức quản lý và sử dụng hiệu quả các Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cơ quan mặt trận, tổ chức, đoàn thể, UBND cấp huyện và UBND của một số xã, phường, thị trấn, nhằm tạo kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, tăng cường minh bạch, công khai các nguồn thông tin, khuyến khích sự tham gia, đóng góp của người dân trong hoạt động quản lý nhà nước.

b) Tổ chức quản lý, duy trì hoạt động ổn định Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Thông tin điện tử cải cách hành chính tỉnh và Cổng Thông tin điện tử phát triển nguồn nhân lực tỉnh. Xây dựng và thí điểm triển khai Công dịch vụ công trực tuyến thực hiện chức năng “một cửa điện tử” cho phép tiếp nhận, xử lý, chuyển trả kết quả cũng như tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ.

c) Thực hiện nâng cấp, tăng số lượng dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4; triển khai và hoàn thiện mô hình giải quyết thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan.

d) Triển khai nhân rộng sử dụng “biểu mẫu điện tử”, “hồ sơ điện tử” trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, địa phương.

đ) Tiếp tục triển khai nhân rộng phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính, kết hợp triển khai dịch vụ tin nhắn thông báo tiên độ giải quyết hồ sơ tự động và theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân.

e) Tiếp tục tổ chức duy trì và khai thác sử dụng phần mềm Kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan quản lý chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

g) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 – 2020 và các đề án, dự án liên quan đến thương mại điện tử.

h) Triển khai các biện pháp tăng cường khả năng cung cấp thông tin số cho người dân, đặc biệt là việc cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

4. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

a) Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

b) Phổ biến và triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn thực thi công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan Trung ương. Tổ chức quán triệt việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ ở các bộ phận quan trọng, cơ mật.

c) Kiện toàn và phát huy vai trò của Tổ ứng cứu khẩn cấp về an toàn, an ninh thông tin, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

d) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

đ) Duy trì áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; triển khai nhân rộng mô hình quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đưa nội dung thực hiện chính sách đảm bảo an toàn thông tin vào trong các hoạt động xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin mới.

e) Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ, máy tính tại cơ quan, đơn vị; kịp thời ngăn chặn, phòng chống và khắc phục các cuộc tấn công vào hệ thống.

g) Các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng. Kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết

bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng. Các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

h) Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) hoặc hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai sử dụng tại địa phương; tuyệt đối không được sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng để phục vụ công tác nhà nước.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

a) Ưu tiên xét tuyển và bố trí công việc ổn định đối với trường hợp người lao động có trình độ chuyên môn cao về CNTT; xem xét, cử cán bộ công chức trong cơ quan chuyên trách về CNTT tham gia thi tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ CNTT và viễn thông.

b) Hoàn thành việc tổ chức kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT tại địa phương, bảo đảm công tác quản lý, vận hành các hệ thống thông tin đã được triển khai; thực hiện tốt công tác tổ chức nhân sự tại các cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên trách về CNTT, như: Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Phòng máy chủ tại UBND cấp huyện,...

c) Duy trì tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng; các buổi hội thảo về nghiệp vụ chuyên môn CNTT; nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho CBCCVN trong các cơ quan nhà nước nhằm tăng cường khả năng phối hợp triển khai, khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin tại cơ quan, địa phương.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về môi trường chính sách

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý của địa phương về CNTT, đặc biệt là ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai mô hình Chính quyền điện tử tại địa phương.

b) Xây dựng cơ chế ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu công việc về công tác trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

c) Tạo điều kiện thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, trong đó đặc biệt là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT.

2. Giải pháp tổ chức

a) Nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo Ứng dụng CNTT của địa phương, đặc biệt là công tác giám sát kiểm tra hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đồng thời tham mưu, đề xuất các phương án, giải pháp phát triển ứng dụng CNTT mang tính chiến lược, lâu dài và bền vững.

b) Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về CNTT ở các cấp; đặc biệt ở cấp huyện phải đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ cán bộ công chức để đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà

nước và cải cách hành chính tại cấp huyện, cấp xã.

c) Kết hợp chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT với công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo các cấp và công tác cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương; gắn việc đánh giá hiệu quả công tác quản lý, công tác cải cách hành chính với hiệu quả triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ quan, địa phương.

3. Giải pháp triển khai

a) Các hệ thống thông tin được bảo trì, nâng cấp (nếu có) để đảm bảo sử dụng ổn định và có hiệu quả trong các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh; việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT phải bảo đảm phù hợp với các yêu cầu thiết yếu để phục vụ cài đặt, vận hành ổn định các hệ thống thông tin.

b) Phát triển các hệ thống thông tin mới gắn liền với thực thi các giải pháp đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của quốc gia; trong đó phải đáp ứng yêu cầu kế thừa, kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin đã có (nếu có) và khả năng trao đổi và chia sẻ tài nguyên thông tin.

c) Các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT được thông qua phải đảm bảo xem xét về sự đồng bộ các điều kiện: con người, chính sách pháp lý, tài chính, giải pháp công nghệ, mục tiêu và hiệu quả sử dụng, đặt biệt là phải phù hợp mô hình kiến trúc Chính quyền điện tử tại địa phương.

d) Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT phục vụ việc triển khai, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan, địa phương; gắn ứng dụng CNTT với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của đơn vị và thủ trưởng cơ quan.

4. Các giải pháp khác

a) Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017 của các cơ quan, địa phương.

b) Đổi mới công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và hiệu quả của việc ứng dụng CNTT cho các lực lượng xã hội, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động cung cấp, trao đổi thông tin qua mạng, đặc biệt là sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nhằm giảm chi phí và thời gian, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao dân trí.

c) Tăng cường hợp tác với các tỉnh bạn để học tập kinh nghiệm về việc ứng dụng CNTT phục vụ các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách địa phương đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước năm 2017, được cân đối phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên hợp lý để duy trì hoạt động ổn định các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

2. Các nguồn vốn cấp cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong năm 2017, dự kiến:

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển: Đầu tư các dự án về phát triển các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, bao gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển phần mềm ứng dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu, thực thi công tác đảm bảo an toàn thông tin, đào tạo quản lý sử dụng, xây dựng các chính sách quản lý, khai thác sử dụng,...

b) Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Triển khai các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu phát triển CNTT; các dự án chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao phần mềm quản lý chuyên ngành, lĩnh vực; các hoạt động ứng dụng CNTT khác, trong đó ưu tiên kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử.

c) Nguồn vốn sự nghiệp CNTT: Duy trì các hệ thống thông tin đã có (bảo hành, bảo dưỡng), mua sắm bổ sung thiết bị CNTT, mua sắm các phần mềm thương mại; thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin; đào tạo chuyển giao công nghệ; thuê các dịch vụ CNTT; phát triển các hệ thống thông tin có quy mô nhỏ và các hoạt động thường xuyên khác.

d) Nguồn vốn đề xuất từ Chương trình mục tiêu về CNTT giai đoạn 2016 – 2020.

đ) Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, các tổ chức nước ngoài, nguồn vốn xã hội hóa,... cho hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước; trong đó ưu tiên đầu tư các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, phục vụ cộng đồng, phục vụ người dân ở các vùng miền còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.

(Danh mục các dự án/ nhiệm vụ ứng dụng CNTT triển khai trong năm 2017 được thể hiện tại Phụ lục II đính kèm).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh

Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo Ứng dụng CNTT của tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai.

d) Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh năm 2017 và các nguồn ngân sách khác (nếu có) cho các dự án/nhiệm vụ phát triển ứng dụng CNTT.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để triển khai ứng dụng CNTT.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp năm 2017 để thực hiện Kế hoạch (trong đó bao gồm kế hoạch ứng dụng CNTT của các cơ quan, địa phương).

4. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch với Kế hoạch cải cách hành chính năm 2017.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục bổ sung hoàn thiện cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về CNTT, đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là tại cấp huyện, cấp xã.

c) Thực hiện tốt công tác đánh giá thi đua khen thưởng của các cơ quan, địa phương, trong đó có kết hợp lồng ghép các nội dung đánh giá xếp hạng ứng dụng CNTT.

d) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao đáp ứng nhu cầu công việc về công tác tại tỉnh; cơ chế chính sách đãi ngộ, đào tạo nâng cao và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT và truyền thông; chuyển giao các phần mềm cần thiết phục vụ cho công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực đã được ứng dụng hiệu quả tại các địa phương khác.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả việc triển khai sử dụng sản phẩm của các đề tài, dự án ứng dụng CNTT có sử dụng nguồn vốn thuộc trách nhiệm quản lý.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ Kế hoạch này, cụ thể hóa thành các kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2017 tại đơn vị, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, địa phương nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b) Trước ngày 15/11/2017 báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về Ban chỉ đạo Ứng dụng CNTT của tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông).

7. Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa

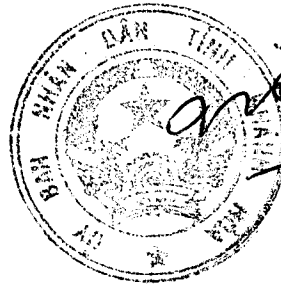
Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động ứng dụng CNTT và truyền thông tại địa phương./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành,
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Khánh Hòa,
- Báo Khánh Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NN, QP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đắc Tài

Phụ lục:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN/NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2016
(Kèm theo Kế hoạch số 8902 /KH-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2015		Vốn bố trí hết năm 2016		Nhu cầu kế hoạch năm 2017	
					Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
I	Dự án thực hiện năm 2016											
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2015											
1.1	Dự án Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa	Xây dựng công cụ phục vụ quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	2014- 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	82.518		453		0		30.000	
2	Dự án triển khai mới											
2.1	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung trong các cơ quan nhà nước	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh và UBND cấp huyện	2016- 2017	Sở Thông tin và Truyền thông	2.990,158				2.990		0,158	
2.2	Cải tạo, nâng cấp toàn bộ hệ thống mạng Lan toàn thành phố (Giai đoạn 2)	Đảm bảo cơ sở hạ tầng để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin	2016	UBND Tp Nha Trang	2.102,653				2.102,653		0	

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2015		Vốn bố trí hết năm 2016		Nhu cầu kế hoạch năm 2017	
					Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
2.3	Lắp đặt hệ thống Camera quan sát trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 1)	Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo dõi, giám sát, năng lực chỉ huy, điều hành công tác bảo đảm an ninh, phòng chống tội phạm; điều hòa, hướng dẫn trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị.	2016	UBND Tp Nha Trang	10.500				10.500		0	
II	Nhiệm vụ thực hiện năm 2016											
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp từ năm 2015											
1.1	Đề án ứng dụng CNTT trong quản lý và cung cấp thông tin ngăn chặn phục vụ cho hoạt động công chứng	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh	2015	Sở Tư pháp	573,003				573,003		0	
1.2	Trực tuyến hóa biểu mẫu các thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến qua mạng Internet từ mức độ 3 trở lên	Triển khai áp dụng biểu mẫu điện tử trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trực tuyến qua mạng Internet	2015-2016	Sở Nội vụ	2.740		474		316		980	

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2015		Vốn bố trí hết năm 2016		Nhu cầu kế hoạch năm 2017	
					Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
1.3	Khởi tạo kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Kết nối đưa vào sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các đơn vị trực thuộc UBND thành phố.	2015	UBND Tp Nha Trang	510				510		0	
2	Nhiệm vụ triển khai mới											
2.1	Số hóa dữ liệu đăng ký kinh doanh	Thực hiện chuẩn hóa và số hóa thông tin tài liệu về đăng ký doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp dùng chung đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước về doanh nghiệp của các cơ quan cấp tỉnh	2016	Sở Kế hoạch và Đầu tư	705				705		0	
2.2	Hợp giao ban trực tuyến	Hợp trực tuyến từ UBND thành phố Nha Trang đến UBND các xã, phường trực thuộc.	2016	UBND Tp Nha Trang	1.900				0		1.900	
2.3	Số hóa hồ sơ địa chính (Giai đoạn 1)	Số hóa hồ sơ địa chính của thành phố Nha Trang	2016 - 2019	UBND Tp Nha Trang	2.000				0		1.000	
2.4	Khởi tạo kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Kết nối đưa vào sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các đơn vị HCSN không có thu thuộc Sở	2016	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	107				107		0	

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2015		Vốn bố trí hết năm 2016		Nhu cầu kế hoạch năm 2017	
					Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
2.5	Nâng cấp Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016 - 2017	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30				0		30	
2.6	Tin học hóa quy trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến qua mạng tin học theo cơ chế một cửa liên thông	- Cập nhật phiên bản mới phần mềm Một cửa điện tử (theo Quyết định 14/2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015) - Tin học hóa 160 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông trực tuyến	2016	Sở Thông tin và Truyền thông	165				165		0	
2.7	Xây dựng Khung Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa	Xây dựng hoàn thành Khung Chính quyền điện tử phục vụ triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa	2016	Sở Thông tin và Truyền thông	350				350		0	
2.8	Tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào các ứng dụng dùng chung (giai đoạn 1)	Thực hiện tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào các ứng dụng dùng chung	2016	Sở Thông tin và Truyền thông	300				300		0	
2.9	Thí điểm triển khai dịch vụ tin nhắn thông báo kết quả giải quyết hồ sơ tự động và theo nhu	Tự động thông báo kết quả giải quyết TTHC từ phần mềm Một cửa điện tử cho người dân và doanh nghiệp (thí điểm	2016	Sở Thông tin và Truyền thông	188				188		300	

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí		Vốn đã bố trí hết năm 2015		Vốn bố trí hết năm 2016		Nhu cầu kế hoạch năm 2017	
					Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác	Ngân sách địa phương	Vốn khác
	câu của tổ chức, cá nhân	13 cơ quan, đơn vị)										
2.10	Nhân rộng việc sử dụng phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính	Nhân rộng việc sử dụng phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, địa phương	2016	Sở Thông tin và Truyền thông	150				150		250	
2.11	Số hóa tài liệu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh (thuộc Đề án Số hóa tài liệu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh giai đoạn 2016 – 2021)	Mua sắm phần mềm quản lý tài liệu số hóa tại Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	2016	Sở Nội vụ	300				300			
2.12	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai ứng dụng CNTT tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin	2016	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	200				200			

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN/ NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT
TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2017
(Kèm theo Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
I	Dự án thực hiện năm 2017			
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016			
1.1	Dự án Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa	Xây dựng công cụ phục vụ quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	2014-2019	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Dự án triển khai mới			
2.1	Xây dựng Hệ thống thông tin phục vụ triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa	Xây dựng hoàn thành Hệ thống thông tin theo hướng tương hợp của nhiều hệ thống sẵn có dựa trên tính mở và chuẩn hóa (đáp ứng nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng mô hình thành phố thông minh) làm nền tảng cho việc triển khai Chính quyền điện tử tại Khánh Hòa, như: cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp; tin học hóa toàn bộ quy trình làm việc giữa chính quyền - người dân - doanh nghiệp; tin học hóa công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành lĩnh vực,... nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động, tăng cường tính công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước cũng như tăng cường chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.	2016 - 2018	Sở Thông tin và Truyền thông
2.2	Dự án Mở rộng hệ thống thông tin chỉ huy Công an tỉnh Khánh Hòa	Tăng cường bổ sung trang thiết bị kỹ thuật cần thiết, mở rộng phạm vi, quy mô điều hành tác chiến trên địa bàn; góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành; góp phần quan trọng trong việc giữ vững và ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.	2017 - 2018	Công an tỉnh

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
2.3	Cải tạo, nâng cấp toàn bộ hệ thống mạng Lan toàn thành phố (Giai đoạn 3)	Đảm bảo cơ sở hạ tầng để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin	2017	UBND Tp Nha Trang
2.4	Lắp đặt hệ thống Camera quan sát trên địa bàn thành phố (Giai đoạn 2)	Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo dõi, giám sát, năng lực chỉ huy, điều hành công tác bảo đảm an ninh, phòng chống tội phạm; điều hòa, hướng dẫn trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị.	2017	UBND Tp Nha Trang
2.5	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung trên địa bàn Tp Cam Ranh	Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung, ứng dụng trên địa bàn Tp Cam Ranh	2017	UBND Tp Cam Ranh
II	Nhiệm vụ thực hiện năm 2017			
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2016			
1.1	Triển khai nhân rộng dịch vụ tin nhắn thông báo kết quả giải quyết hồ sơ tự động và theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân	Tự động thông báo kết quả giải quyết TTHC từ phần mềm Một cửa điện tử cho người dân và doanh nghiệp (triển khai cho các cơ quan, địa phương trên toàn tỉnh).	2017	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Triển khai phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính cho các cơ quan, đơn vị	Nhân rộng việc sử dụng phần mềm Quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, địa phương	2017	Sở Thông tin và Truyền thông
1.3	Nâng cấp Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp Website Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2017	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1.4	Họp giao ban trực tuyến	Họp trực tuyến từ UBND thành phố Nha Trang đến UBND các xã, phường trực thuộc.	2017	UBND Tp Nha Trang
1.5	Số hóa hồ sơ địa chính (Giai đoạn 1)	Số hóa hồ sơ địa chính của thành phố Nha Trang.	2016 - 2019	UBND Tp Nha Trang
2	Nhiệm vụ triển khai mới			
2.1	Triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Duy trì và phát triển mở rộng các hệ thống thông tin đã có nhằm đảm bảo việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo lộ trình đã được ban hành	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông

Stt	Tên dự án/ nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì
2.2	Xây dựng và triển khai Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa trên mạng Internet	Xây dựng và triển khai Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa trên mạng Internet	2016 - 2017	Sở Nội vụ
2.3	Khởi tạo kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Kết nối đưa vào sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế	2017	Sở Y tế
2.4	Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của địa phương	Hoàn thành việc Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của địa phương nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của tỉnh theo hướng hiện đại, thống nhất, kết hợp với việc thực thi công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	2017	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã
2.5	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020	Hiện đại hóa công tác quản lý, hoạt động dạy và học nghề	2017 - 2020	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
2.6	Đề án hỗ trợ phát triển thông tin thị trường lao động và giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020	Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động	2017 - 2020	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội